

BÁO CÁO

Công tác lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị tháng 6/2026

Thực hiện Kế hoạch số 272-KH/UBKTTW, ngày 07/01/2026 của Ủy ban Kiểm tra Trung ương Đảng về việc giám sát tình hình, kết quả lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia (Nghị quyết số 57-NQ/TW), Ban Thường vụ Tỉnh ủy Lâm Đồng báo cáo như sau:

A. TÌNH HÌNH, KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 57-NQ/TW

I. TÌNH HÌNH, KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM

1. Về công tác chỉ đạo, điều hành và tổ chức thực hiện

1.1. Kết quả xây dựng, ban hành, tổ chức thực hiện Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW

Trong tháng, các cơ quan cấp tỉnh đã ban hành nhiều văn bản¹ quan trọng nhằm chỉ đạo khắc phục các tồn tại, hạn chế sau kiểm tra, giám sát; triển khai các

¹ * Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành 06 văn bản: Kế hoạch số 84-KH/TU ngày 03/6/2026 về khắc phục những hạn chế, khuyết điểm được chỉ ra tại Báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát (đợt 2) của Đoàn Kiểm tra, giám sát số 31 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư; Công văn số 1729-CV/TU ngày 29/5/2026 về việc triển khai Báo cáo số 23-BC/CQTTBCĐ, ngày 27/5/2026 của Văn phòng Trung ương Đảng; Công văn số 1730-CV/TU ngày 29/5/2026 về việc chuẩn bị nội dung làm việc với Đoàn công tác của Ủy ban Kiểm tra Trung ương; Công văn số 1851-CV/TU ngày 10/6/2026 về việc góp ý dự thảo Kế hoạch tổng thể chuyển đổi số Văn phòng cấp ủy năm 2026 và giai đoạn đến năm 2030; Công văn số 1894-CV/TU ngày 16/6/2026 về việc xin chủ trương sáp nhập hai Ban Chỉ đạo; Công văn số 1901-CV/TU ngày 16/6/2026 về việc triển khai đánh giá, xếp hạng kết quả thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW.

* Ban Chỉ đạo tỉnh về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số ban hành 03 văn bản: Thông báo số 02-TB/BCĐ ngày 08/6/2026 về Kết luận của đồng chí Y Thanh Hà Niê Kđăm, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy, Trưởng đoàn đại biểu Quốc hội khóa XVI tỉnh, Trưởng Ban Chỉ đạo tỉnh về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; Báo cáo số 03-BC/BCĐ, ngày 08/6/2026 về tình hình thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị 6 tháng đầu năm và nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm 6 tháng cuối năm 2026; Báo cáo số 04-BC/BCĐ, ngày 19/6/2026 về tình hình triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị sau 1 năm 6 tháng triển khai trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.

* UBND tỉnh đã ban hành đã ban hành 04 văn bản: Quyết định số 2471/QĐ-UBND ngày 27/5/2026 phê duyệt Kế hoạch tổng thể về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh; Kế hoạch số 7245/KH-BCĐ ngày 20/5/2026 triển khai Chương trình Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2026-2030, tầm nhìn đến năm 2035; Công văn số 8282/UBND-KGVX ngày 02/6/2026 triển khai Thông báo số 246/TB-VPCP của Văn phòng Chính phủ; Công văn số 8403/UBND-KGVX ngày 04/6/2026 triển khai Báo cáo số 23/BC/CQTTBCĐ của Văn phòng Trung ương Đảng; Quyết định số 2728/QĐ-UBND ngày 03/6/2026 kiện toàn Ban Chỉ đạo về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06.

nhiệm vụ được Trung ương, Chính phủ và Ban Chỉ đạo Trung ương giao; đẩy mạnh phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06; đồng thời tăng cường công tác kiểm tra, đôn đốc, đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW trên địa bàn tỉnh.

Ngày 02/6/2026, Ban Chỉ đạo tỉnh về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số đã tổ chức Hội nghị sơ kết tình hình triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW trong 5 tháng đầu năm 2026; đánh giá kết quả thực hiện, phân tích những khó khăn, vướng mắc, đồng thời xác định các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm cần tập trung thực hiện trong tháng 6 và 6 tháng cuối năm 2026.

UBND tỉnh đã thực hiện chuyển giao nhiệm vụ Cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo từ Sở Khoa học và Công nghệ sang Công an tỉnh theo quy định nhằm bảo đảm hoạt động chỉ đạo, điều hành thông suốt, liên tục, không làm gián đoạn tiến độ triển khai các nhiệm vụ được giao.

Công tác chuyển đổi số trong các cơ quan Đảng tiếp tục được đẩy mạnh. Tỉnh đã triển khai 04 thủ tục hành chính của Đảng² trên môi trường điện tử theo chỉ đạo của Văn phòng Trung ương Đảng góp phần nâng cao hiệu quả quản lý đảng viên, cải cách hành chính và thúc đẩy chuyển đổi số trong hoạt động của các cơ quan Đảng.

1.2. Tổng thể việc thực hiện các nhiệm vụ

Tính đến ngày 23/6/2026, tổng số nhiệm vụ là 264 nhiệm vụ, trong đó: Có 157 nhiệm vụ đã hoàn thành (tỷ lệ 59,5%); 106 nhiệm vụ đang thực hiện đúng hạn (tỷ lệ 40,1%) và 01 nhiệm vụ quá hạn chưa hoàn thành (tỷ lệ 0,4%); 116 nhiệm vụ thường xuyên (tỷ lệ 43,9%).

2. Về hoàn thiện thể chế, quy định, quy trình

2.1. Tình hình, kết quả thực hiện

UBND tỉnh đã chỉ đạo rà soát các quy định hiện hành trong lĩnh vực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo nhằm bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật, phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương và yêu cầu quản lý trong giai đoạn mới.

* Ban Chỉ đạo của UBND tỉnh về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06 ban hành 02 văn bản: Quyết định số 2729/QĐ-BCĐ ngày 03/6/2026 ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động Ban Chỉ đạo về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06; Quyết định số 2730/QĐ-BCĐ, ngày 03/6/2026 về việc thành lập các Tổ Công tác và kiện toàn Tổ Giúp việc của Ban Chỉ đạo về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06.

² Kế hoạch số 21-KH/VPTU, ngày 15/6/2026 triển khai thực hiện toàn tỉnh 04 thủ tục hành chính của Đảng trên môi trường điện tử.

Trên cơ sở rà soát, UBND tỉnh đang xem xét, hoàn thiện đề ban hành 02 văn bản quan trọng, gồm: (1) Quy định quản lý nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng; (2) Quyết định phân cấp quản lý đối với một số nội dung thuộc lĩnh vực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh. Các văn bản được xây dựng theo hướng tăng cường tính chủ động, trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị; đơn giản hóa quy trình xử lý công việc; rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục hành chính; bảo đảm việc thực hiện nhiệm vụ đúng thẩm quyền, hiệu quả và phù hợp với yêu cầu cải cách hành chính hiện nay.

2.2. Nhận xét, đánh giá

Công tác rà soát, xây dựng và hoàn thiện các quy định thuộc lĩnh vực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo được triển khai kịp thời, bám sát các định hướng của Trung ương và yêu cầu thực tiễn của địa phương.

II. VỀ CHUYỂN ĐỔI SỐ

1. Chuyển đổi số trong hệ thống chính trị

1.1. Về hạ tầng số dùng chung

Hạ tầng số phục vụ chuyển đổi số trong các cơ quan Đảng tiếp tục được quan tâm đầu tư, nâng cấp theo hướng đồng bộ, an toàn và ổn định. Đến nay, 100% cơ quan, đơn vị trong khối Đảng đã được triển khai mạng truyền số liệu chuyên dùng tích hợp các giải pháp bảo mật của ngành cơ yếu, đáp ứng đầy đủ yêu cầu gửi, nhận và xử lý văn bản ở cấp độ mật, tối mật trên môi trường mạng.

Các cơ quan khối chính quyền đã triển khai kết nối, truy cập Mạng truyền số liệu chuyên dùng thông suốt đến các trụ sở, vị trí lắp đặt thiết bị của các cơ quan trên địa bàn tỉnh, đồng thời thực hiện kiểm tra kỹ thuật kết nối với thiết bị mã hóa bảo mật đến các trụ sở làm việc của 16 cơ quan cấp tỉnh và 124 xã, phường, đặc khu; 100% các đơn vị được cấp thiết bị BML (thiết bị bảo mật kênh truyền), eToken2in1 và thiết bị lưu trữ chuyên dụng DC02.M19, 100% các đơn vị cấp tỉnh và cấp xã đã kết nối ổn định và được giám sát tập trung qua hệ thống giám sát của Cục Cơ yếu Đảng - Chính quyền, đáp ứng yêu cầu kỹ thuật, hoạt động liên tục 24/24 giờ, đảm bảo yêu cầu triển khai Hệ thống quản lý văn bản mật Chính phủ theo chỉ đạo của Văn phòng Chính phủ; đã tạo và bàn giao tài khoản quản trị Hệ thống quản lý văn bản mật Chính phủ cho 15/15 đơn vị cấp tỉnh và 124/124 đơn vị cấp xã.

Hạ tầng viễn thông và kết nối Internet trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng tiếp tục được đầu tư, nâng cấp, cơ bản đáp ứng yêu cầu triển khai chuyển đổi số trong hệ thống chính trị. Toàn tỉnh hiện có 12.161 trạm thu phát sóng di động (trạm BTS), trong đó có 1.205 trạm BTS 5G; có 555 trạm BTS kiên cố bảo đảm khả năng

chống chịu thiên tai cấp độ 4; tổng số thuê bao di động toàn tỉnh đạt trên 4 triệu thuê bao, trong đó có 3.566.266 thuê bao sử dụng điện thoại thông minh (đạt tỷ lệ 87,7%). Số thuê bao kết nối Internet đạt 3.628.903 thuê bao (đạt tỷ lệ 80,83%); 100% dân số thuộc các xã, phường, đặc khu trên địa bàn tỉnh được phủ sóng mạng băng rộng di động (2G/3G/4G/5G), trong đó tỷ lệ phủ sóng 5G đạt 86%; mạng băng rộng cố định (cáp quang FTTH) đã phủ đến 100% trung tâm các xã, phường, đặc khu; tỷ lệ hộ gia đình có FTTH đạt 94,22%; 100% các tổ chức kinh tế - xã hội như doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh, trường học, bệnh viện, công sở tại khu vực thành thị có thể truy nhập Internet với tốc độ trung bình 01 Gb/s; Mạng băng rộng di động đáp ứng Quy chuẩn quốc gia (QCVN) về chất lượng dịch vụ, với tốc độ tải xuống trung bình tối thiểu 70 Mb/s cho mạng 4G và 150 Mb/s cho mạng 5G;

Hạ tầng kỹ thuật Trung tâm tích hợp dữ liệu (THDL) hiện có 98 máy chủ vật lý, cung cấp dịch vụ ảo hóa trên nền điện toán đám mây (Cloud computing) với 227 máy chủ ảo, tổng dung lượng lưu trữ 465 TB, đáp ứng cơ bản nhu cầu vận hành hiện tại. Trung tâm THDL đang duy trì, vận hành các hệ thống thông tin dùng chung và các hệ thống quan trọng của tỉnh sau sáp nhập (Thư điện tử công vụ; Hệ thống Văn bản điều hành; Hội nghị truyền hình trực tuyến; hosting công/trang thông tin điện tử; các CSDL chuyên ngành...).

1.2. Về dữ liệu, nền tảng số

a) Về dữ liệu

Việc tạo lập cơ sở dữ liệu “đúng, đủ, sạch, sống” tiếp tục được triển khai thực hiện và đạt một số kết quả: Cập nhật thông tin người sử dụng đất khớp với CSDLQG về dân cư 1.156.846 trường hợp; xây dựng cơ sở dữ liệu 2.993.927 thửa đất, còn 346.170 thửa đất chưa được xây dựng cơ sở dữ liệu; trong đó, đã thu thập 290.773 giấy chứng nhận phục vụ xây dựng cơ sở dữ liệu; cập nhật thông tin 56.922 hội viên hội người cao tuổi, 75.111 hội viên hội nông dân, 25.973 hội viên hội cựu chiến binh, 251 hội viên hội chữ thập đỏ; cập nhật, xác thực giữa CSDLQG về bảo hiểm và CSDLQG về dân cư 2.887.541/2.895.614 trường hợp, đạt tỷ lệ 99,72%; cập nhật hồ sơ cá nhân, số định danh công chức viên chức, người lao động và học sinh trên hệ thống cơ sở dữ liệu ngành Giáo dục và Đào tạo csdl.moet.gov.vn đạt 94,6%, dữ liệu giáo viên đạt 98,3%, đã xác thực với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư đạt 98,8%; làm sạch dữ liệu 116.261 đối tượng hưởng ASXH, 1.206.161 người có công trên CSDLQG về dân cư; rà soát, xác thực dữ liệu văn bằng, chứng chỉ trên hệ thống CSDLQG về dân cư phục vụ tích hợp lên ứng dụng VNeID 17.525/17.525 trường hợp, đạt tỷ lệ 100%; làm sạch dữ liệu thông tin tàu cá, chủ sở hữu, thuyền viên phục vụ công tác định danh tàu thuyền, đến nay, đã thu thập, cập nhật đầy đủ thông tin 8.081 tàu cá (gồm: 8.081 chủ

tàu/chủ tàu kiêm thuyền trưởng/chủ tàu kiêm máy trưởng, 1.016 thuyền trưởng/thuyền trưởng kiêm máy trưởng, 1.139 máy trưởng, 6.274 thuyền viên).

Công tác làm sạch, cập nhật, xác thực và đồng bộ dữ liệu chuyên ngành với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư tiếp tục được Công an tỉnh phối hợp các sở, ngành, địa phương triển khai quyết liệt, đồng bộ trên nhiều lĩnh vực.

Trong lĩnh vực an sinh xã hội và người có công: Đã thu thập, cập nhật thông tin 8.486 liệt sỹ, 9.995 thân nhân hưởng trợ cấp của liệt sỹ, 3.526 thân nhân thuộc diện lấy mẫu ADN vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư; phối hợp làm sạch dữ liệu 116.261 đối tượng hưởng an sinh xã hội, 1.206.161 người có công trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư; tiếp tục rà soát, làm sạch dữ liệu 92.715 đối tượng hưởng an sinh xã hội, cập nhật 558.271/917.324 thông tin trẻ em vào phần mềm và rà soát, làm sạch dữ liệu 20.901 người có công. Đồng thời, phối hợp UBND cấp xã cập nhật trạng thái chi trả an sinh xã hội dịp Tết Nguyên đán Bính Ngọ năm 2026 đối với 133.094 trường hợp người có công với cách mạng trên phần mềm an sinh xã hội của Bộ Công an.

Trong lĩnh vực giáo dục, bảo hiểm, đất đai và quản lý chuyên ngành: Đã phối hợp cập nhật, xác thực giữa cơ sở dữ liệu quốc gia về bảo hiểm và cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư đối với 2.887.541/2.895.614 trường hợp, đạt tỷ lệ 99,72%; cập nhật hồ sơ cá nhân, số định danh công chức, viên chức, người lao động và học sinh trên hệ thống cơ sở dữ liệu ngành Giáo dục và Đào tạo đạt 94,6%, dữ liệu giáo viên đạt 98,3%, xác thực với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư đạt 98,8%; rà soát, xác thực dữ liệu văn bằng, chứng chỉ phục vụ tích hợp lên ứng dụng VNeID đạt 17.491/17.525 trường hợp, tỷ lệ 99,8%. Đồng thời, phối hợp cập nhật thông tin người sử dụng đất khớp với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư đối với 1.156.846 trường hợp; xây dựng cơ sở dữ liệu 2.993.927 thửa đất, thu thập 290.773 giấy chứng nhận phục vụ xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai. Việc triển khai đồng bộ các nhiệm vụ làm sạch, xác thực và liên thông dữ liệu đã góp phần nâng cao chất lượng dữ liệu số, phục vụ hiệu quả công tác quản lý nhà nước, cải cách hành chính và phát triển xã hội số trên địa bàn tỉnh.

Đến nay, toàn tỉnh cơ bản hoàn thành các chỉ tiêu làm sạch dữ liệu dân cư trên hệ thống đảm bảo dữ liệu “đúng, đủ, sạch, sống” và thực hiện thường xuyên, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý dân cư, phục vụ công tác quản lý xã hội và triển khai các tiện ích số phục vụ người dân.

b) Về nền tảng số

Hệ thống phần mềm quản lý văn bản và điều hành thống nhất toàn tỉnh liên thông với trực văn bản quốc gia qua nền tảng chia sẻ tích hợp dữ liệu cấp tỉnh; đã hoàn thành khai báo cho 169 đơn vị cấp tỉnh, xã với hơn 30.000 tài khoản người dùng, tổng số văn bản đến toàn hệ thống đến thời điểm báo cáo là 3.366.973 văn

bản, tổng số văn bản đi là 460.138 văn bản. Hiện nay, đã thực hiện chuyển đổi dữ liệu, hợp nhất dữ liệu phần mềm Quản lý văn bản của UBND tỉnh Lâm Đồng (cũ) và Đák Nông (cũ) để phục vụ tra cứu văn bản; đồng thời đang tiến hành hợp nhất dữ liệu văn bản của tỉnh Bình Thuận (cũ). Song song với triển khai Hệ thống phần mềm quản lý văn bản và điều hành, việc cấp chứng thư chữ ký số chuyên dùng công vụ cũng được tập trung triển khai, đến nay toàn tỉnh có 14.533 chứng thư chữ ký số chuyên dùng công vụ (*cấp tỉnh có 5.492 chứng thư số, chữ ký số; cấp xã có 9.041 chứng thư chữ ký số chuyên dùng công vụ*), 100% lãnh đạo các cấp và chuyên viên phụ trách giải quyết thủ tục hành chính trên địa bàn đã được trang bị chữ ký số chuyên dùng công vụ.

Hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến tiếp tục được đầu tư, nâng cấp và hoàn thiện theo hướng hiện đại, đồng bộ. Tại mỗi đơn vị cấp xã đã bố trí tối thiểu 02 điểm cầu, bảo đảm phục vụ hiệu quả công tác chỉ đạo, điều hành, họp trực tuyến, tập huấn, đào tạo từ xa; đồng thời đáp ứng yêu cầu kết nối liên thông, kịp thời giữa các cấp chính quyền, cấp ủy đảng, góp phần tiết kiệm thời gian, chi phí và nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước. Kết nối 248 điểm cầu cấp xã (khối đảng ủy và khối UBND) phục vụ cuộc họp trực tuyến các cấp.

Nền tảng chia sẻ, kết nối dữ liệu tỉnh Lâm Đồng (lgsp.lamdong.gov.vn) đã được vận hành ổn định, an toàn, đóng vai trò là hạ tầng tích hợp, chia sẻ dữ liệu trung tâm của tỉnh. Từ ngày 01/7/2025 đến nay, hệ thống đã kết nối, khai thác hiệu quả 22 hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của các bộ, ngành Trung ương thông qua Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia, với tổng số 2.658.163 lượt giao dịch dữ liệu được thực hiện.

Cổng thông tin điện tử tỉnh Lâm Đồng (lamdong.gov.vn) đã được kết nối, tích hợp đồng bộ với 16 sở, ban, ngành; 124 xã, phường, đặc khu và các cơ quan, đơn vị liên quan trên địa bàn tỉnh. Cổng thông tin điện tử đóng vai trò là kênh thông tin chính thống của tỉnh, bảo đảm cung cấp đầy đủ, kịp thời, công khai, minh bạch các thông tin chỉ đạo, điều hành, cơ chế, chính sách và tình hình phát triển kinh tế - xã hội.

UBND tỉnh đang thực hiện nâng cấp Trung tâm Điều hành thông minh tỉnh Lâm Đồng (IOC), hiện đang triển khai 10 phân hệ giám sát một số chỉ tiêu phát triển KTXH; ban hành Bộ chỉ số điều hành trên môi trường điện tử tại Quyết định số 1737/QĐ-UBND, ngày 17/10/2025; Quy chế quản lý, vận hành, khai thác sử dụng Trung tâm IOC tại Quyết định số 2403/QĐ-UBND, ngày 02/12/2025; thành lập Ban chỉ đạo vận hành Trung tâm giám sát, điều hành thông minh (IOC) tỉnh Lâm Đồng... hỗ trợ trực tiếp công tác chỉ đạo, điều hành của tỉnh. Triển khai thử nghiệm phần mềm Phòng họp không giấy (Egov Lâm Đồng), hệ thống Quản lý nhiệm vụ của UBND tỉnh (<https://giaonhiemvu.lamdong.gov.vn>), hệ thống Thông tin báo cáo (LRIS).

Triển khai Hệ thống thư điện tử công vụ (mail.lamdong.gov.vn) cho 100% các cán bộ, công chức trên địa bàn tỉnh. Từ 01/7/2025 đến nay đã có 19.915 tài khoản thư điện tử công vụ được cấp cho cá nhân và các cơ quan, đơn vị.

Tiếp tục triển khai, sử dụng hiệu quả cơ sở dữ liệu, phần mềm nghiệp vụ phục vụ công tác như: Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư; quản lý, cấp Căn cước công dân; Cơ sở dữ liệu tạm giữ, tạm giam; quản lý xuất nhập cảnh; quản lý vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ; quản lý con dấu; quản lý đăng ký phương tiện; phần mềm Nghiệp vụ cơ bản Cảnh sát, An ninh; phần mềm Điều tra hình sự; hồ sơ nghiệp vụ, quản lý cán bộ, chính sách, tuyển sinh; thi đua khen thưởng, quản lý đảng viên, kế toán, tài sản,...

c) Về thủ tục hành chính và dịch vụ công trực tuyến

Tại thời điểm báo cáo, tổng số TTHC đang thực hiện trên địa bàn tỉnh là 1.977 thủ tục, trong đó: TTHC cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình: 841 thủ tục (42,54%); TTHC cung cấp dịch vụ công trực tuyến một phần: 1.136 thủ tục (57,46%).

Công tác tiếp nhận và giải quyết thủ tục hành chính đến tháng 6 năm 2026 có nhiều chuyển biến tích cực, người dân, doanh nghiệp thường xuyên sử dụng các dịch vụ công trực tuyến; tỷ lệ hồ sơ được giải quyết trước hạn và đúng hạn cũng tăng từ 96,28% lên 97,61%, góp phần nâng cao chất lượng phục vụ và hiệu quả giải quyết thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh.

Việc số hóa được thực hiện ngay từ khâu tiếp nhận hồ sơ tại Bộ phận Một cửa các cấp; đặc biệt tại cấp xã đã hoàn thành các chỉ tiêu theo kế hoạch, gắn trách nhiệm số hóa với nhiệm vụ của cán bộ, công chức, viên chức. Từ ngày 01/01/2026 đến nay: Tỷ lệ hồ sơ TTHC được số hóa, bao gồm số hóa hồ sơ đầu vào và kết quả giải quyết, đạt 88,67%; Tỷ lệ cấp kết quả giải quyết TTHC dưới dạng điện tử đạt 89,58%; Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hóa đạt 94,57%; 100% UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh đã triển khai thực hiện chứng thực điện tử bản sao từ bản chính theo quy định.

UBND tỉnh Lâm Đồng đã ban hành quyết định công bố danh mục TTHC thực hiện không phụ thuộc địa giới hành chính, bảo đảm đạt 100% TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của địa phương đã được niêm yết theo quy định.

2. Về xã hội số

Đến nay, toàn tỉnh đã thu nhận 2.906.767 lượt hồ sơ cấp, cập nhật tài khoản định danh điện tử, kích hoạt 2.235.300 tài khoản. Triển khai Sổ sức khỏe điện tử trên ứng dụng VNeID: đã tạo lập hồ sơ sức khỏe điện tử 3.180.724/3.280.720 hồ sơ, đạt tỷ lệ 97%. Tiếp tục triển khai cấp tài khoản định danh điện tử cho cơ quan, tổ chức: Đến nay, toàn tỉnh đã tiến hành thu nhận hồ sơ, được Cục C06 phê duyệt

thành công 17.672/20.248 hồ sơ (đạt tỷ lệ 87,17%). Tính đến thời điểm hiện tại, khối doanh nghiệp đã thực hiện cấp phát được khoảng 100.000 chứng thư số công cộng, góp phần đưa tỷ lệ bao phủ đạt 2,58% trên tổng dân số toàn tỉnh.

Các xã, phường, đặc khu trên địa bàn tỉnh đã chủ động thành lập và duy trì tốt hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng cấp thôn/tổ dân phố. Đến nay, đảm bảo 100% địa phương đã thành lập Tổ CNSCĐ cấp thôn, xã (toàn tỉnh có 2.765 Tổ CNSCĐ cấp thôn với 16.880 thành viên). Công tác phổ biến kỹ năng số được đẩy mạnh thông qua nền tảng “Bình dân học vụ số” của Bộ Công an và Sở tay “Bình dân học vụ số tỉnh Lâm Đồng” (binhdanhocvuso.lamdong.gov.vn) do Sở Khoa học và Công nghệ phát triển. Đến nay, đã có 216.988 lượt người tham gia, bước đầu nắm bắt được các kỹ năng số cơ bản, góp phần xây dựng nền tảng xã hội số và thúc đẩy chuyển đổi số toàn diện trên địa bàn tỉnh.

Triển khai các công cụ AI hỗ trợ soạn thảo văn bản, tổng hợp, phân tích dữ liệu; ứng dụng nền tảng số để cung cấp thông tin, văn bản chỉ đạo đến đảng viên; vận hành hệ thống kiểm tra trực tuyến và hệ thống giám sát thông tin dư luận xã hội trên không gian mạng phục vụ công tác lãnh đạo, quản lý và định hướng thông tin.

Đặc biệt, đã nghiên cứu, xây dựng và đưa vào vận hành Hệ thống giám sát, đánh giá hiệu suất công việc ứng dụng trí tuệ nhân tạo (LaDo-AI), cho phép số hóa các mục tiêu, nhiệm vụ từ nghị quyết, chương trình, kế hoạch công tác; theo dõi tiến độ thực hiện, hỗ trợ nhắc việc và đánh giá kết quả theo các tiêu chí định lượng. Hệ thống góp phần nâng cao tính công khai, minh bạch, khách quan trong công tác quản lý, đánh giá cán bộ, đảng viên và tổ chức cơ sở đảng, đồng thời tạo tiền đề thúc đẩy đổi mới phương thức lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành trên nền tảng dữ liệu số.

III. VỀ KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO

1. Về thí điểm và mở rộng cơ chế đặt hàng, mua sắm công đối với sản phẩm từ kết quả của hoạt động KHCN, ĐMST

UBND tỉnh đang xem xét, ban hành Kế hoạch mua sắm sản phẩm công nghệ chiến lược do doanh nghiệp trong nước nghiên cứu, phát triển nhằm phục vụ hoạt động quản lý nhà nước, phát triển chính quyền số, kinh tế số và xã hội số trên địa bàn tỉnh do Sở Khoa học và Công nghệ đề xuất.

Tỉnh Lâm Đồng đã đề xuất với Bộ Khoa học và Công nghệ 03 sản phẩm công nghệ chiến lược gồm: (1) Trung tâm Dữ liệu lớn khu vực Lâm Đồng; (2) Trung tâm đổi mới sáng tạo nông nghiệp và sinh học; (3) Hệ thống tích trữ năng lượng thông minh (BESS) và quản lý lưới điện.

2. Về nâng cao năng lực hạ tầng nghiên cứu - thử nghiệm - sản xuất thử

Trên địa bàn tỉnh hiện có 03 viện nghiên cứu, 03 trường đại học, hệ thống các trường cao đẳng cùng 16 doanh nghiệp khoa học và công nghệ, 13 doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, bước đầu hình thành nền tảng cho phát triển nguồn nhân lực khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo của địa phương.

Tỉnh tiếp tục thúc đẩy liên kết giữa các cơ sở đào tạo, nghiên cứu với doanh nghiệp trong hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và đổi mới sáng tạo. Đồng thời, tăng cường hợp tác với các cơ sở đào tạo, nghiên cứu và doanh nghiệp lớn như Trường Đại học Tôn Đức Thắng, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, Tập đoàn Viettel, Tập đoàn VNPT, Viện hàn lâm khoa học xã hội Việt Nam và các tổ chức khoa học công nghệ nhằm nâng cao năng lực nghiên cứu, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao và phát triển các lĩnh vực công nghệ chiến lược. Đồng thời, quan tâm hỗ trợ các tổ chức, doanh nghiệp, viện nghiên cứu và trường đại học đăng ký, bảo hộ và phát triển tài sản trí tuệ; thúc đẩy thương mại hóa kết quả nghiên cứu, sáng chế, giải pháp hữu ích gắn với các sản phẩm chủ lực, sản phẩm OCOP và sản phẩm đặc thù của địa phương.

Tuy nhiên, hệ thống hạ tầng nghiên cứu, phòng thí nghiệm và các nhóm nghiên cứu mạnh còn hạn chế; liên kết giữa đào tạo, nghiên cứu và doanh nghiệp chưa thực sự hiệu quả.

3. Việc phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp và hoạt động của doanh nghiệp KH-CN, ĐMST, CDS

Đến thời điểm báo cáo, trên địa bàn tỉnh có 16 doanh nghiệp khoa học và công nghệ, 57 tổ chức khoa học và công nghệ cùng các cơ sở ươm tạo, tổ chức hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tham gia hệ sinh thái đổi mới sáng tạo của tỉnh.

Hỗ trợ 04 doanh nghiệp nhỏ và vừa về sở hữu trí tuệ, hệ thống quản lý chất lượng và phát triển tài sản trí tuệ; khảo sát, đánh giá trình độ, năng lực công nghệ đối với 54 doanh nghiệp làm cơ sở xây dựng các giải pháp hỗ trợ đổi mới công nghệ và chuyển đổi số. Đồng thời triển khai Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm hàng hóa giai đoạn 2026-2030; tổ chức 15 lớp đào tạo, tập huấn về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng; hỗ trợ doanh nghiệp áp dụng truy xuất nguồn gốc, tiếp cận thị trường Halal và cập nhật các cảnh báo hàng rào kỹ thuật trong thương mại nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh và mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm.

Công tác thẩm định, đánh giá công nghệ được tăng cường; đã tham gia cho ý kiến đối với 92 dự án đầu tư, ưu tiên công nghệ tiên tiến, thân thiện môi trường,

góp phần thúc đẩy đổi mới công nghệ và phát triển doanh nghiệp theo hướng bền vững.

Tuy nhiên, số lượng doanh nghiệp khoa học công nghệ, doanh nghiệp đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh còn hạn chế; quy mô chủ yếu là doanh nghiệp nhỏ và vừa; chưa hình thành doanh nghiệp công nghệ số có quy mô lớn, có khả năng dẫn dắt và tạo sức lan tỏa đối với hệ sinh thái đổi mới sáng tạo của tỉnh.

4. Về thúc đẩy các mô hình hợp tác “3 Nhà” và phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo, khu công nghệ cao, đô thị thông minh

UBND tỉnh bước đầu triển khai các hoạt động kết nối giữa Nhà nước - Nhà khoa học - Doanh nghiệp thông qua hoạt động khảo sát, đánh giá nhu cầu cụ thể về công nghệ, thị trường và khả năng thương mại hóa sản phẩm đối với các dự án khởi nghiệp; tổ chức làm việc, ký kết hợp tác giữa UBND tỉnh hoặc các sở, ngành với các viện, trường doanh nghiệp nhằm thúc đẩy nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao công nghệ gắn với nhu cầu thực tiễn của địa phương; đồng thời nghiên cứu, đề xuất các giải pháp phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo, thu hút doanh nghiệp công nghệ và doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo. Hiện nay, UBND tỉnh đang xem xét Kế hoạch triển khai cơ chế phối hợp "Nhà nước - Nhà trường -Doanh nghiệp" giai đoạn 2026-2030³ do Sở Khoa học và Công nghệ đề xuất.

UBND tỉnh chỉ đạo Sở Khoa học và Công nghệ hoàn thiện Đề án thành lập Khu công nghệ cao Lâm Đồng (*hoàn thành trong năm 2026*) nhằm hình thành cực tăng trưởng mới dựa trên khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo là yêu cầu cấp thiết, góp phần tạo động lực phát triển mới, thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế, nâng cao năng suất lao động, thu hút đầu tư chất lượng cao, phát triển nguồn nhân lực và từng bước đưa Lâm Đồng trở thành trung tâm nghiên cứu, ứng dụng và đổi mới sáng tạo của khu vực.

UBND tỉnh chỉ đạo Sở Xây dựng chủ trì tham mưu xây dựng Quyết định phê duyệt Đề cương Đề án phát triển đô thị thông minh tỉnh Lâm Đồng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (*hiện đã hoàn thiện dự thảo và đang lấy ý kiến thành viên UBND tỉnh; dự kiến ban hành trong tháng 6 năm 2026*).

IV. VỀ NGUỒN NHÂN LỰC VÀ HỢP TÁC QUỐC TẾ VỀ KHCN, ĐMST, CDS

1. Về nguồn nhân lực

UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 3978/KH-UBND, ngày 26/3/2026 triển khai thực hiện Quyết định số 2711/QĐ/TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 12/12/2025 Chiến lược quốc gia về phát triển đội ngũ tri thức trong thời kỳ đầy

³ Công văn số 2540/SKHCN-CN&ĐMST ngày 12/6/2026 của Sở Khoa học và Công nghệ về đề nghị ban hành Kế hoạch triển khai cơ chế phối hợp "Nhà nước - Nhà trường -Doanh nghiệp" giai đoạn 2026-2030.

mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Trong thời gian tới, tỉnh xác định tiếp tục nghiên cứu, xây dựng và ban hành cơ chế, chính sách đặc thù nhằm thu hút, trọng dụng nhân lực chất lượng cao trong lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; đồng thời mở rộng hợp tác với các viện nghiên cứu, trường đại học, doanh nghiệp công nghệ trong và ngoài nước để thu hút chuyên gia tham gia các chương trình, dự án trọng điểm của tỉnh. Bên cạnh đó, tỉnh sẽ đẩy mạnh việc kết nối, thu hút đội ngũ chuyên gia là người Việt Nam ở nước ngoài và chuyên gia quốc tế, từng bước hình thành mạng lưới chuyên gia tư vấn, hỗ trợ phát triển các lĩnh vực công nghệ chiến lược, góp phần nâng cao năng lực nội sinh và thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh. UBND tỉnh đã giao Sở Nội vụ tham mưu chính sách hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng, thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao làm việc trên địa bàn tỉnh và Đề án phát triển, thu hút, trọng dụng nhân tài làm việc tại tỉnh⁴.

2. Về hợp tác quốc tế

Trường Đại học Đà Lạt đã tổ chức thành công 04 sự kiện quốc tế quan trọng với sự tham gia của nhiều chuyên gia, nhà khoa học và tổ chức quốc tế; đồng thời ký kết 20 biên bản ghi nhớ hợp tác (MOU) với các trường đại học, viện nghiên cứu và doanh nghiệp đến từ Nhật Bản, Hàn Quốc và nhiều quốc gia khác. Trong lĩnh vực nghiên cứu khoa học, Trường đang triển khai 02 dự án hợp tác quốc tế với tổng kinh phí tài trợ trên 92.000 EUR và 120.000 KRW, góp phần nâng cao năng lực nghiên cứu, mở rộng mạng lưới đối tác và tăng cường hội nhập quốc tế. Bên cạnh đó, Trường Đại học Đà Lạt đang hoàn thiện hồ sơ đề xuất dự án ODA về thúc đẩy phát triển công nghiệp sinh học trên địa bàn tỉnh.

Trong thời gian qua, tỉnh đã hỗ trợ doanh nghiệp tiếp nhận và ứng dụng 06 quy trình công nghệ tiên tiến từ nước ngoài vào sản xuất nông nghiệp và dược liệu. Đồng thời, triển khai hiệu quả các chương trình hợp tác nghiên cứu khoa học và đổi mới sáng tạo với Tổ chức Nghiên cứu Khoa học và Công nghiệp Khối Thịnh vượng chung Australia (CSIRO); hợp tác trong lĩnh vực trồng trọt và công nghệ sau thu hoạch với thành phố Westland (Hà Lan); hợp tác phát triển đô thị thông minh, đô thị xanh với thành phố Chuncheon (Hàn Quốc).

Cổng thông tin điện tử của tỉnh thu hút trung bình từ 450.765 đến 470.225 lượt truy cập quốc tế mỗi tháng đến từ khoảng 74 - 75 quốc gia và vùng lãnh thổ. Các giải pháp bảo đảm an toàn thông tin mạng được triển khai đồng bộ, góp phần

⁴ Tại Kế hoạch số 2783/KH-UBND ngày 05/3/2026 của UBND tỉnh về triển khai thực hiện Chương trình hành động số 15-CTr/TU ngày 28/02/2026 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh (Khóa I) và Kế hoạch số 41-KH/ĐU ngày 01/3/2026 của Đảng ủy UBND tỉnh

bảo vệ hệ thống thông tin của cơ quan nhà nước và chủ động phòng ngừa các nguy cơ mất an toàn trên môi trường mạng.

Tiếp tục thực hiện nghiêm túc các cam kết quốc tế với UNESCO trong bảo tồn và phát huy giá trị Công viên địa chất toàn cầu UNESCO Đắk Nông và Thành phố sáng tạo âm nhạc Đà Lạt; tham gia Hội nghị quốc tế về hàng động núi lửa lần thứ 20 (ISV20), Hội nghị Mạng lưới Công viên địa chất toàn cầu cùng nhiều hoạt động hợp tác quốc tế khác. Đồng thời, đẩy mạnh công tác thông tin đối ngoại, quảng bá tiềm năng, thế mạnh về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của tỉnh thông qua các nền tảng số, hội nghị, hội thảo và các diễn đàn quốc tế.

Nhìn chung, hoạt động hợp tác quốc tế về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của tỉnh tiếp tục được mở rộng cả về quy mô và chất lượng; góp phần nâng cao năng lực nghiên cứu, tiếp nhận và làm chủ công nghệ mới; tăng cường kết nối với các tổ chức, chuyên gia, doanh nghiệp quốc tế; thu hút nguồn lực phục vụ phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, qua đó đóng góp tích cực vào phát triển kinh tế - xã hội và thực hiện các mục tiêu của Nghị quyết số 57-NQ/TW trên địa bàn tỉnh.

V. VỀ AN NINH, AN TOÀN THÔNG TIN VÀ BẢO VỆ THÔNG TIN BÍ MẬT NHÀ NƯỚC

Tỉnh Lâm Đồng đã ban hành các văn bản chỉ đạo nhằm tăng cường công tác bảo đảm an ninh mạng, an toàn thông tin, bảo mật dữ liệu trên địa bàn; trong đó tập trung vào hoàn thiện cơ chế, quy chế, kế hoạch ứng phó sự cố và triển khai các chỉ đạo của Trung ương về công tác an ninh mạng⁽⁵⁾. Đồng thời, giao Công an tỉnh hướng dẫn các cơ quan, ban, ngành, địa phương điều chỉnh hoặc xây dựng mới hồ sơ đề xuất cấp độ an toàn thông tin đối với các đơn vị⁽⁶⁾; rà soát đánh giá, đảm bảo an ninh mạng, an toàn thông tin đối với hệ thống đang quản lý, vận hành gửi các sở ban, ngành thuộc UBND tỉnh và UBND các xã phường, đặc khu⁽⁷⁾.

Tiếp tục triển khai các nhiệm vụ liên quan đến khảo sát giải pháp kỹ thuật bảo đảm an toàn thông tin, phòng, chống mã độc; bố trí lực lượng tham gia bảo đảm an ninh, an toàn thông tin phục vụ các sự kiện chính trị, kinh tế, xã hội quan trọng diễn ra trên địa bàn tỉnh trong năm 2026.

⁽⁵⁾ Gồm: Công văn số 346/UBND- NC ngày 21/11/2025 về việc triển khai Công điện 232 của Thủ tướng chính phủ về tăng cường bảo đảm an toàn, an ninh mạng, bảo mật dữ liệu cho các hệ thống công nghệ thông tin; Quyết định số 2306/QĐ-UBND ngày 26/11/2025 ban hành Quy chế bảo đảm an ninh mạng, an toàn thông tin đối với hệ thống thông tin trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng; Kế hoạch số 7889/KH-UBND ngày 25/11/2025 về ứng phó sự cố, bảo đảm an toàn thông tin mạng trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng; xây dựng kế hoạch của UBND tỉnh triển khai Kết luận số 06-TB/CQT/TCĐ của Tổng Bí thư về công tác bảo đảm an ninh mạng, bảo mật thông tin, an toàn dữ liệu.

⁽⁶⁾ Gồm: UBND xã Tà Năng, UBND xã Xuân Trường, Mobifone Lâm Đồng, Sở Y tế, Sở Tài chính.

⁽⁷⁾ Công văn số 64/CAT-PA05 ngày 07/1/2026 của Công an tỉnh Lâm Đồng.

Triển khai xây dựng, trình thẩm định hồ sơ đề xuất cấp độ an toàn thông tin tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trực thuộc với 19/40 đơn vị đã xây dựng hồ sơ và trình thẩm định, trong đó 2 đơn vị đã được phê duyệt cấp độ an toàn thông tin (*Bệnh viện Đa khoa Bình Thuận, Trung tâm Y tế Khu vực Đăk R'Lấp*).

VI. VỀ TÀI CHÍNH, KINH PHÍ CHO KHCN, ĐMST, CDS

- Kinh phí chi thường xuyên chi cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tại địa phương là 107,3 tỷ đồng; đến nay, Tỉnh đã giao là 398,497 tỷ đồng, trong đó:

+ Kinh phí chi cho KHCN, ĐMST, CDS cấp tỉnh là 220,177 tỷ đồng. Tổng kinh phí chuyển nguồn sang năm 2026 là 39,116 tỷ đồng. Hiện đã giải ngân được 35,725 tỷ đồng (đạt 16,2%).

+ Kinh phí chi KHCN, ĐMST, CDS cấp xã là 178,32 tỷ đồng. Hiện đã giải ngân được 267 triệu đồng (đạt 0,15%).

- Kinh phí chi đầu tư phát triển chi cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tại địa phương là 273,257 tỷ đồng; đến nay, Tỉnh đã bố trí là 158,190 tỷ đồng. Sắp tới Tỉnh dự kiến sẽ phân bổ bổ sung kinh phí đầu tư công năm 2026 là: 115,067 tỷ đồng cho 02 dự án. Như vậy, kinh phí chi đầu tư phát triển Tỉnh dự kiến bố trí năm 2026 là 273,257 tỷ đồng để thực hiện 03 dự án đầu tư.

+ Dự án “Xây dựng Hệ thống cơ sở dữ liệu không gian địa lý dùng chung tỉnh Lâm Đồng”, tổng mức đầu tư là 594,093 tỷ đồng; trong đó: Vốn Trương ương là: 437,903 tỷ đồng, kinh phí năm 2025 chuyển sang năm 2026 là 31,402 tỷ đồng (đã giải ngân 750 triệu đồng); Vốn địa phương: 156,190 tỷ đồng (chưa giải ngân).

+ Dự án “Nâng cấp, cải tạo và mua sắm bổ sung trang thiết bị cho Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng”: UBND tỉnh đã phê duyệt chủ trương đầu tư tại Quyết định số 2036/QĐ-UBND ngày 11/5/2026, với tổng kinh phí là 50 tỷ đồng, kinh phí đề nghị phân bổ năm 2026 là 27 tỷ đồng, đã cấp là 600 triệu đồng để thực hiện giai đoạn chuẩn bị đầu tư. Hiện nay dự án đã được UBND tỉnh phê duyệt, đang triển khai các bước tiếp theo.

+ Dự án “Đầu tư trang thiết bị phục vụ hoạt động của UBND cấp xã và triển khai Đề án 06 trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng”, với tổng kinh phí dự kiến là 219 tỷ đồng, đã được cấp 1,4 tỷ đồng để thực hiện giai đoạn chuẩn bị đầu tư.

VII. VỀ CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG LÃNG PHÍ

Quán triệt nghiêm tinh thần chỉ đạo của đồng chí Tổng Bí thư về nguồn nhân lực và chống lãng phí; ban hành các kế hoạch, chương trình hành động cụ thể nhằm triển khai thực hiện Chiến lược quốc gia đến năm 2035 và Chỉ thị số

08/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ⁸; tăng cường kiểm soát chặt chẽ, tránh nguy cơ lãng phí nhất là lãng phí nguồn lực con người, thời gian và cơ hội, tập trung các lĩnh vực: Ngân sách và nợ công; quản lý, sử dụng tài sản công; đầu tư công; tài nguyên và năng lượng; ứng dụng công nghệ; thanh tra, xử lý vi phạm. Chỉ đạo nêu cao trách nhiệm người đứng đầu, người đứng đầu các đơn vị phải chủ động nhận diện sớm các nguy cơ và có giải pháp phòng ngừa ngay từ đầu, tuyệt đối không để xảy ra hậu quả rồi mới xử lý.

B. NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Ưu điểm

Việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia đã được Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực Tỉnh ủy, Ban Chỉ đạo tỉnh tập trung lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt, đồng bộ, kịp thời. Trên cơ sở đó, các cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị, địa phương trong toàn tỉnh đã chủ động xây dựng chương trình, kế hoạch triển khai thực hiện gắn với chức năng, nhiệm vụ được giao; xác định rõ nội dung trọng tâm, lộ trình thực hiện và trách nhiệm của từng cơ quan, đơn vị. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành tiếp tục được đổi mới theo hướng tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong hoạt động quản lý, điều hành và xử lý công việc; một số cơ quan, đơn vị đã chủ động thử nghiệm và từng bước ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong hoạt động, bước đầu đạt được một số kết quả tích cực. Phong trào “Bình dân học vụ số” được triển khai sâu rộng, tạo sự lan tỏa tích cực trong xã hội, góp phần nâng cao nhận thức và kỹ năng số cho cán bộ, đảng viên và người dân.

Công tác cải cách hành chính gắn với chuyển đổi số tiếp tục được đẩy mạnh; tỷ lệ cung cấp và sử dụng dịch vụ công trực tuyến từng bước được nâng lên; việc tiếp nhận, giải quyết hồ sơ trên môi trường điện tử có nhiều chuyên biến tích cực. Các hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp ứng dụng công nghệ số, thúc đẩy đổi mới sáng tạo, phát triển kinh tế số, xã hội số tiếp tục được quan tâm triển khai. Công tác bảo đảm an toàn, an ninh mạng, bảo vệ dữ liệu và duy trì hoạt động ổn định của các hệ thống thông tin được chú trọng thực hiện.

Trong khối các cơ quan Đảng, việc triển khai chuyển đổi số trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành tiếp tục được đẩy mạnh; các hệ thống quản lý văn bản, điều hành tác nghiệp, chữ ký số được sử dụng ngày càng đồng bộ, góp phần

⁸ Như: Quyết định số 2845/QĐ-UBND ngày 30/12/2025 về việc ban hành chương trình tiết kiệm, chống lãng phí năm 2026 trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng; Kế hoạch số 4140/KH-UBND ngày 30/3/2026 triển khai thi hành Luật Tiết kiệm, chống lãng phí theo Quyết định số 307/QĐ-TTg ngày 15/02/2026 của Thủ tướng chính phủ; Báo cáo số 359/BC-UBND ngày 31/12/2025 báo cáo tình hình thực hiện Chiến lược quốc gia về phòng, chống lãng phí năm 2025; Báo cáo số 65/BC-UBND ngày 09/02/2026 báo cáo Bộ Tài chính kết quả công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2025 và phương hướng nhiệm vụ năm 2026.

nâng cao hiệu quả xử lý công việc và từng bước hình thành môi trường làm việc số trong các cơ quan đảng.

Trong khối Hội đồng nhân dân tỉnh, việc ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong hoạt động giám sát, thẩm tra, tổ chức kỳ họp, xử lý tài liệu và trao đổi thông tin tiếp tục được tăng cường; góp phần nâng cao chất lượng hoạt động của HĐND tỉnh và hiệu quả phối hợp giữa các cơ quan liên quan.

Trong khối UBND tỉnh và các cơ quan chính quyền, công tác cải cách hành chính gắn với chuyển đổi số tiếp tục có nhiều chuyển biến tích cực; việc cung cấp dịch vụ công trực tuyến, xử lý hồ sơ trên môi trường mạng, xây dựng cơ sở dữ liệu và nền tảng số dùng chung được quan tâm triển khai đồng bộ. Qua đó từng bước tạo chuyển biến tích cực trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành, cải cách hành chính, phát triển chính quyền số, kinh tế số và xã hội số; góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị, cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh và chất lượng phục vụ Nhân dân.

Trong khối Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội, việc ứng dụng nền tảng số, công nghệ thông tin trong công tác tuyên truyền, vận động, nắm bắt tình hình Nhân dân và triển khai phong trào “Bình dân học vụ số” được đẩy mạnh; qua đó góp phần nâng cao nhận thức, kỹ năng số và tạo sự lan tỏa tích cực trong cộng đồng dân cư.

2. Tồn tại, hạn chế

Bên cạnh những kết quả đạt được, quá trình triển khai thực hiện vẫn còn một số tồn tại, hạn chế, cụ thể:

(1) Một số nhiệm vụ triển khai còn chậm tiến độ, nhất là các nhiệm vụ liên quan đến dữ liệu số, xây dựng cơ sở dữ liệu dùng chung, kết nối và chia sẻ dữ liệu, phát triển kinh tế số, thương mại hóa sản phẩm công nghệ chiến lược và triển khai các nhiệm vụ khoa học, công nghệ gắn với các bài toán lớn của địa phương. Việc lựa chọn, đặt hàng và tổ chức triển khai các bài toán lớn phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh còn chậm, chưa hình thành rõ các mô hình có tính dẫn dắt và lan tỏa.

(2) Công tác xây dựng, chuẩn hóa, làm sạch, kết nối và tái sử dụng dữ liệu giữa các ngành, địa phương chưa đồng bộ; dữ liệu còn phân tán, thiếu tính liên thông và chưa đáp ứng yêu cầu khai thác phục vụ chỉ đạo, điều hành, phát triển ứng dụng số và trí tuệ nhân tạo (AI).

(3) Việc ứng dụng AI trong hoạt động của cơ quan nhà nước mới ở giai đoạn thử nghiệm, phạm vi còn hẹp; chưa hình thành hệ sinh thái dữ liệu đủ lớn phục vụ khai thác hiệu quả. Nguồn nhân lực có kỹ năng về dữ liệu, AI và chuyển

đổi số còn thiếu; năng lực tham mưu, tổ chức thực hiện ở một số đơn vị chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.

(4) Hạ tầng số, trang thiết bị công nghệ thông tin và điều kiện bảo đảm phục vụ chuyển đổi số tại một số địa phương, nhất là cấp cơ sở, vùng sâu, vùng xa còn hạn chế; việc rà soát, nâng cấp hạ tầng và bảo đảm an toàn thông tin có nơi còn chậm. Phong trào “Bình dân học vụ số” tuy đã tạo sự lan tỏa nhưng hiệu quả chưa đồng đều giữa các địa phương; vai trò của Tổ công nghệ số cộng đồng ở một số nơi chưa phát huy đầy đủ.

(5) Cơ chế, chính sách về tài chính, định mức chi, thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao và hướng dẫn triển khai một số nội dung mới về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số chưa đồng bộ, cần tiếp tục được hoàn thiện để đáp ứng yêu cầu thực tiễn.

(6) Việc xác định tối thiểu 03 bài toán lớn gắn với điều kiện thực tiễn, lợi thế và dư địa tăng trưởng của địa phương để làm cơ sở đặt hàng nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo vẫn chưa được triển khai đầy đủ, còn chậm so với yêu cầu.

3. Nguyên nhân

Những hạn chế nêu trên chủ yếu do khối lượng nhiệm vụ lớn, yêu cầu cao, nhiều nội dung mới, chưa có tiền lệ; nguồn lực còn hạn chế, do đó ảnh hưởng nhất định đến tiến độ và hiệu quả triển khai một số nhiệm vụ trên địa bàn tỉnh; các cơ quan, đơn vị chưa bám sát vào chức năng, nhiệm vụ và lĩnh vực cốt lõi mình phụ trách để đưa ra các nhiệm vụ và sản phẩm cần đạt được. Bên cạnh đó, hệ thống cơ chế, chính sách, hướng dẫn của Trung ương đang từng bước hoàn thiện. Các cơ chế như thử nghiệm có kiểm soát (sandbox), hoạt động ươm tạo cho sản phẩm công nghệ chiến lược hay mô hình 3 Nhà vẫn chưa có quy định cụ thể, gây lúng túng trong triển khai thực hiện.

C. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

1. Kiến nghị với Chính phủ

Hiện nay, một số Bộ, ngành chưa có hướng dẫn về chuẩn hóa cơ sở dữ liệu chuyên ngành thống nhất từ Trung ương đến địa phương⁹ hoặc chưa xây dựng, hoàn

⁹ - Các CSDL theo Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ chưa thống nhất danh mục trường thông tin đồng bộ về CSDL tổng hợp quốc gia của các Bộ Nội vụ (06 CSDL); Bộ Xây dựng (04 CSDL); Bộ Tài chính (03 CSDL); Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (03 CSDL); Bộ Công an (02 CSDL); Bộ Dân tộc và Tôn giáo (02 CSDL); Bộ Ngoại giao (01 CSDL); Bộ Giáo dục và Đào tạo (01 CSDL):

- 02 CSDL quốc gia (An sinh xã hội - Bộ Nội vụ, Xử lý vi phạm hành chính - Bộ Công an (chuyển từ Bộ Tư pháp tháng 12/2025, hạn hoàn thành tháng 12/2026)) chưa có nền tảng (theo Kế hoạch 02-KH/BCĐTW)

- CSDL Xây dựng - Bộ Xây dựng, Quốc gia về Y tế - Bộ Y tế, Kiểm soát thu nhập tài sản - Thanh tra Chính phủ, Ngành Nông nghiệp - Bộ Nông nghiệp và Môi trường) mặc dù đã có nền tảng, hệ thống chưa có giải pháp kỹ số, chứng thư số công vụ, chưa kết nối, đồng bộ về Trung tâm dữ liệu quốc gia.

thiện cơ sở dữ liệu quốc gia theo Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ, sửa đổi, bổ sung, cập nhật Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ Nghị quyết số 71/NQ-CP, dẫn đến chưa có cơ sở để xây dựng cơ sở dữ liệu chuyên ngành tại tỉnh đảm bảo thống nhất, đồng bộ với Trung ương, gây khó khăn cho việc kết nối, chia sẻ dữ liệu. Do đó, kiến nghị Chính phủ chỉ đạo các Bộ, ngành (Bộ Công an, Bộ Xây dựng, Bộ Nội vụ...) sớm có hướng dẫn về khung cơ sở dữ liệu chuyên ngành, kết nối đồng bộ các cơ sở dữ liệu quốc gia (đất đai, bảo hiểm, tài chính, thuế...) để địa phương khai thác hiệu quả.

2. Kiến nghị với Bộ Khoa học và Công nghệ

Tổ chức các lớp đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý khoa học, công nghệ và chuyển đổi số ở cả cấp tỉnh và cấp cơ sở hoặc hướng dẫn khung đào tạo, bồi dưỡng để địa phương chủ động triển khai.

Phối hợp với Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện cơ chế sandbox đối với các nhiệm vụ đổi mới sáng tạo.

Ban hành Chương trình về phát triển tài sản trí tuệ giai đoạn 2026-2030, Chương trình về phát triển tài sản trí tuệ và kế hoạch phát triển hệ thống đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp sáng tạo giai đoạn 2026-2030 và các Thông tư hướng dẫn Nghị định 268/2025/NĐ-CP ngày 14/10/2025 của Chính phủ.

Hướng dẫn cụ thể về cơ chế tổ chức, quản lý và vận hành sàn giao dịch công nghệ; cơ chế hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia Chương trình quốc gia nâng cao năng suất và chất lượng; cơ chế thu hút, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực khoa học và công nghệ chất lượng cao; phương pháp xác định, đặt hàng và tổ chức giải quyết các bài toán lớn của ngành, lĩnh vực và địa phương.

3. Kiến nghị Bộ Công an

Tổ chức các lớp tập huấn chuyên sâu về công tác quản lý nhà nước đối với an toàn thông tin mạng cho cán bộ, chiến sĩ Công an các địa phương; trong đó ưu tiên nội dung tập huấn về kỹ thuật, công nghệ, công cụ giám sát, phát hiện và xử lý sự cố an ninh mạng, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

Ban hành hướng dẫn cụ thể về triển khai công tác bảo đảm an ninh mạng, an toàn thông tin đối với Công an cấp xã.

Đề nghị Bộ Công an phối hợp với Bộ Tài chính tham mưu Chính phủ ban hành quy định cụ thể về cơ chế bố trí kinh phí cho nhiệm vụ quản lý nhà nước về an toàn thông tin mạng, bảo đảm phù hợp với thực tiễn sau khi chuyển giao nhiệm vụ này về Bộ Công an; đồng thời tạo cơ sở pháp lý để địa phương chủ động trong việc lập dự toán, đầu tư, mua sắm, duy trì và gia hạn các hệ thống, phần mềm phục vụ công tác.

Ban hành danh mục thống nhất các phần mềm, trang thiết bị kỹ thuật phục vụ công tác quản lý nhà nước về an toàn thông tin mạng, làm cơ sở để các địa phương triển khai đồng bộ, thống nhất trên phạm vi toàn quốc; tăng cường công tác hướng dẫn, hỗ trợ địa phương, đặc biệt là hướng dẫn chuyên sâu việc triển khai thực hiện các Thông tư, văn bản dưới Luật nhằm bảo đảm thi hành hiệu quả Luật An ninh mạng; khẩn trương rà soát, hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, quy trình, quy chế liên quan, tạo hành lang pháp lý đầy đủ, thống nhất để tổ chức thực hiện hiệu quả nhiệm vụ quản lý nhà nước về an toàn thông tin mạng.

4. Kiến nghị với Bộ Nông nghiệp và Môi trường

Chủ trì, phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ nghiên cứu, ban hành hoặc hướng dẫn cụ thể về trình tự, thủ tục xây dựng các trạm BTS trên đất rừng; tạo cơ sở pháp lý thống nhất để địa phương và doanh nghiệp viễn thông triển khai thực hiện, kịp thời tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc trong công tác đầu tư, xây dựng hạ tầng viễn thông tại khu vực vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới và các khu vực còn lǒm sǒng di động.

5. Kiến nghị với Tập đoàn điện lực Việt Nam

Quan tâm, bố trí nguồn vốn và tổ chức đầu tư hạ tầng điện nhằm bảo đảm cung cấp điện cho các trạm BTS theo Kế hoạch triển khai khắc phục các khu vực lǒm sǒng di động trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng trong năm 2026, góp phần nâng cao chất lượng dịch vụ viễn thông, bảo đảm thông tin liên lạc phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh và công tác phòng, chống thiên tai, cứu nạn, cứu hộ.

Trên đây là báo cáo công tác lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị tháng 6/2026. Ban Thường vụ Tỉnh ủy Lâm Đồng báo cáo Ủy ban Kiểm tra Trung ương.

Nơi nhận:

- Ủy ban Kiểm tra Trung ương Đảng;
- Vụ Địa bàn VII, UBKT Trung ương Đảng;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Các đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Các đồng chí thành viên BCĐ tỉnh (*Quyết định số 100-QĐ/TU, Quyết định số 258-QĐ/TU*);
- Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy;
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy, PCĐS-CY.



Đặng Hồng Sỹ